

Bản án số: 02 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thê Quyết
2. Ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh – Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 586/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 568/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Th T, sinh năm 197. Địa chỉ: Nguyễn Giản Thanh, tổ 89 phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Th X Th, sinh năm 198. Địa chỉ: Nguyễn Giản Thanh, tổ 89 phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tranh tụng tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn ông Trần Th T thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Ngô Th X Th xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, quận

Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng về chung sống tại Nguyễn Giản Thanh, tổ phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn này kéo dài đến năm 2015 thì bà Ngô Th X Th đã bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Tại quyết định số 20/2017/QĐDS-ST ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố bà Ngô Th X Th mất tích.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Ngô Th X Th.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống tôi và bà Thủy có 02 con chung là:

Trần Th T, sinh ngày: 29/4/1999 và Trần Th T, sinh ngày 10/11/2005.

Ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Th T. Không yêu cầu bà Th đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Trần T T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

- Về quan hệ tài sản chung: Tôi và bà Thủy không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và bà T không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Th X Th vắng mặt nên không có lời khai.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không

thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc ông Trần Th T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Ngô Th X Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông T được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Trần Th Tr, sinh ngày 10/11/2005 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Th T khởi kiện xin ly hôn với bà Ngô Th X T có địa chỉ Nguyễn Giản Thanh, tổ phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Th T nộp đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Ngô Th X Th nhưng bà Th vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Thủy là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Năm 1998 ông Trần Th T và bà Ngô Th X T xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn này kéo dài đến năm 2015 thì bà Ngô Th X Th đã bỏ nhà đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì. Tại quyết định số 20/2017/QDDS-ST ngày 22/9/2017 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố bà Ngô T X Th mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai người, trong đó có sự chia sẻ, chăm sóc, tôn trọng và thương yêu nhau để gia đình hạnh phúc và bền vững. Nhưng gia đình của ông T và bà T đã không làm được điều đó. Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tùng và bà Thủy đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và điều này được thể hiện vào năm 2015 bà Ngô Th X Th đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không còn quan tâm đến chồng con nữa. Do vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Th T đối với bà Ngô T X Th.

Về quan hệ con chung: Ông T xác định có 02 con chung là Tr Th T, sinh ngày: 29/4/1999 và Trần Th Tr, sinh ngày 10/11/2005.

Ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Th Tr. Không yêu cầu bà Th đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung Trần Th T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

Xét nguyện vọng của ông Trần Th T là chính đáng, vì bà Ngô T X Th đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay và cũng không có quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang được ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Nguyện vọng của cháu Tr cũng muốn được ở với ba. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Trần Th T là phù hợp với các Điều: 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Th T xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Trần Th T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39; 227 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn ông Trần Th T đối với bị đơn bà Ngô Th X Th

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Th T được ly hôn với bà Ngô Thị X Th.

- Về quan hệ con chung: Giao cho ông Trần Th T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Th Tr, sinh ngày 10/11/20. Bà Ngô Th X Thủy không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Th T xác định không có.

Về nợ chung: Ông Trần T T xác định không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Th T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 007668 ngày 02/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Trần Dân

